

-거니와

không những thế, và hơn nữa

Thêm một ý thứ hai với văn phong đậm chất văn chương. Nó thuộc họ các đuôi bổ sung cùng với -(으)ㄴ뎡더러 và -는 데다가.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Mọi động từ hoặc tính từ	-거니와	뛰어나다 → 뛰어나거니와
Gốc ㄹ giữ nguyên ㄹ	-거니와	만들거니와
Quá khứ	-았/었거니와	했거니와
Mệnh đề thứ hai	thường dùng 도	가격도 합리적이다
Cả hai vế	cùng chiều hướng	tương phản thì cần -지만
Nếu muốn giả định	-(으)려니와	힘들려니와

Khi nào dùng

Gắn -거니와 vào bất kỳ gốc từ nào — không có quy tắc nguyên âm, ㄹ giữ nguyên, và thì có thể đứng phía trước: 했거니와.

Cả hai vế phải cùng một chiều hướng, và mệnh đề thứ hai thường mang 도: 품질도 뛰어나거니와 가격도 합리적이다.

Mức độ trang trọng cao nhất trong các đuôi bổ sung — văn viết trang trọng, xã luận, bài phát biểu. Trong hội thoại nghe cổ kính.

Hãy phân biệt với -(으)려니와, trông giống nhưng diễn tả sự giả định: 힘들려니와 nghĩa là “chắc là sẽ vất vả, và...”

Ví dụ trong câu

- 1** 품질도 뛰어나거니와 가격도 합리적이다.
- Chất lượng xuất sắc, hơn nữa giá cả lại hợp lý.
- 2** 그는 학식이 깊거니와 인품도 훌륭하다.
- Ông ấy học thức uyên thâm, lại còn có nhân cách tốt.
- 3** 시간도 부족했거니와 예산마저 넉넉지 않았다.
- Thời gian đã ngắn, ngân sách lại cũng chẳng dư dả gì.
- 4** 이 방법은 간단하거니와 효과도 확실하다.
- Phương pháp này đơn giản, hơn nữa còn hiệu quả chắc chắn.
- 5** 교통이 편리하거니와 주변 환경도 조용하다.
- Giao thông thuận tiện, hơn nữa xung quanh lại yên tĩnh.
- 6** 말할 것도 없거니와 이미 다들 알고 있다.
- Điều đó khỏi phải nói, hơn nữa ai cũng đã biết rồi.

So sánh với

-(으)ㄴ뎡더러

Cả hai đều là đuôi bổ sung trong văn viết. 뎡더러 gắn vào dạng định ngữ ㄹ; 거니와 gắn vào gốc từ nguyên dạng và nghe còn cổ hơn.

뛰어날뎡더러 / 뛰어나거니와

-(으)ㄴ/는 데다가

Bốn mức độ trang trọng cho cùng một chức năng: -는 데다가 trong văn nói, 뎡만 아니라 trong ngữ cảnh trang trọng, -뎡더러 trong văn viết, -거니와 trong văn viết văn chương nhất.

뛰어난 데다가 (văn nói) / 뛰어나거니와 (xã luận)

-(으)려니와

Hình thức giống nhau, chức năng khác nhau. -(으)려니와 giả định điều gì đó chứ không khẳng định nó.

뛰어나거니와 (xuất sắc, hơn nữa) / 힘들려니와 (chắc sẽ vất vả, và)

Lưu ý

- ✗** 품질도 뛰어나거니와 가격이 비싸다.
- 품질은 뛰어나지만 가격이 비싸다.
- Cả hai vế phải cùng chiều hướng. Mệnh đề thứ hai trái ngược thì cần -지만.
- ✗** 야, 이거 맛있거니와 싸.
- 야, 이거 맛있는 데다가 싸.
- 거니와 mang tính văn chương. Trong văn nói thân mật nó nghe như một câu trích từ văn bản cổ.
- ✗** 시간도 부족하거니와 예산도 없었다.
- 시간도 부족했거니와 예산도 없었다.
- Khác với -기 và -도록, đuôi này có mang thì, và mệnh đề quá khứ cần thì tương ứng.